

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BÊ TÔNG BIÊN HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600448180 ngày 07 tháng 05 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 10 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 45 tỷ đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Huỳnh Tấn Trí	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Trần Chí Hiếu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Hồ Đình Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Nguyễn Tiến Khoa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Mai Duy Thắng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Trần Văn Phúc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Phan Văn Hải	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2015)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Tạ Quang Thanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Lê Thế Dân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2015)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Chí Hiếu	Tổng giám đốc điều hành (Bổ nhiệm ngày 01/10/2015)
Ông Huỳnh Tấn Trí	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/10/2015)
Ông Nguyễn Nhật Tiến	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/05/2015)

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN CHÍ HIẾU

Số: 16.131A/HĐKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán trái ngược của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược

Đến ngày 31/12/2015, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu với tổng số tiền ước tính là 64,94 tỷ đồng, chi tiết như sau:

- Dự phòng nợ phải thu khách hàng với số tiền ước tính là 39,44 tỷ đồng.
- Dự phòng các khoản trả trước cho người bán không có khả năng thu hồi với số tiền ước tính là 24,36 tỷ đồng.
- Dự phòng các khoản tạm ứng của nhân viên đã nghỉ việc với số tiền ước tính là 1,14 tỷ đồng.

Như vậy, nếu các khoản dự phòng phải thu nêu trên được ghi nhận đầy đủ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thì khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" sẽ tăng là 64,94 tỷ đồng và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2015 sẽ giảm đi 64,94 tỷ đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng là 64,94 tỷ và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm đi một khoản tương ứng là 64,94 tỷ đồng.

Ngoài ra, như đã trình bày tại thuyết minh mục 5.14, Công ty có khoản tài sản thuế hoãn lại tương ứng với khoản lỗ năm 2011 là 4,6 tỷ đồng với thời hạn chuyển lỗ cuối cùng là năm 2016. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khả năng có lãi trong năm 2016 để sử dụng khoản tài sản thuế hoãn lại nêu trên. Do đó, nếu khoản thuế hoãn lại này được hoàn nhập trong năm nay thì khoản mục "Tài sản thuế thu nhập hoãn lại" và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2015 sẽ giảm đi tương ứng mỗi khoản mục là 4,6 tỷ đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm đi một khoản tương ứng là 4,6 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán trái ngược

Theo ý kiến của chúng tôi, do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược", báo cáo tài chính đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, không phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Vào ngày 25/03/2015, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với khoản mục dự phòng phải thu khó đòi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LÚC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HUỖNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85.319.351.237	91.518.609.426
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	1.117.437.277	2.588.531.103
1. Tiền	111		1.117.437.277	2.588.531.103
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.871.459.673	76.868.025.580
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	62.049.302.371	57.158.535.712
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.4)	24.590.234.765	26.196.686.720
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.5)	3.117.820.196	3.398.700.807
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.6)	(9.885.897.659)	(9.885.897.659)
III. Hàng tồn kho	140	(5.7)	4.168.802.287	11.775.229.548
1. Hàng tồn kho	141		4.168.802.287	11.775.229.548
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		161.652.000	286.823.195
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		161.652.000	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			286.823.195
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.636.215.849	9.475.507.192
I. Tài sản cố định	220		7.485.347.829	2.326.120.535
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.8)	7.485.347.829	2.326.120.535
+ Nguyên giá	222		33.866.148.082	32.907.727.399
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.380.800.253)	(30.581.606.864)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.750.000	21.268.637
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22.750.000	21.268.637
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)		
1. Đầu tư vào công ty con	251		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		7.128.118.020	7.128.118.020
1. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	(5.14)	7.128.118.020	7.128.118.020
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		99.955.567.086	100.994.116.618

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

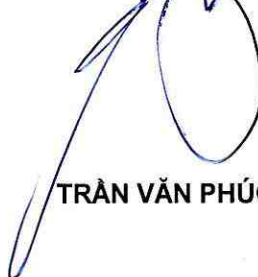
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		80.513.903.776	78.978.802.735
I. Nợ ngắn hạn	310		78.697.303.776	78.978.802.735
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.10)	45.383.578.863	46.300.345.174
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		537.336.417	2.346.073.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.11)	7.273.230.769	6.724.511.309
4. Phải trả người lao động	314	(5.12)	1.089.799.373	1.985.042.834
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.13)	1.060.098.257	407.542.446
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.15)	1.245.598.528	1.428.826.379
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.9)	22.107.038.756	19.785.838.780
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		622.813	622.813
II. Nợ dài hạn	330		1.816.600.000	
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.9)	1.816.600.000	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.441.663.310	22.015.313.883
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.16.1)	19.441.663.310	22.015.313.883
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.16.2)	45.000.000.000	45.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.609.818.000	1.609.818.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.652.254.535	1.652.254.535
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		990.996.407	990.996.407
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(29.811.405.632)	(27.237.755.059)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(27.237.755.059)	(24.597.263.072)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.573.650.573)	(2.640.491.987)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		99.955.567.086	100.994.116.618

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THANH THỦY

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN VĂN PHÚC

Biên Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN CHÍ HIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		126.213.663.771	58.008.828.445
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	126.213.663.771	58.008.828.445
3. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	109.353.225.879	55.403.654.244
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.860.437.892	2.605.174.201
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	35.927.141	5.425.912.527
6. Chi phí tài chính	22	(6.4)	2.188.077.451	3.600.177.022
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.779.134.843	1.882.378.318
7. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	9.561.717.179	2.323.824.146
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	7.309.319.996	6.524.891.401
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.162.749.593)	(4.417.805.841)
10. Thu nhập khác	31	(6.7)	1.032.322.118	2.099.550.093
11. Chi phí khác	32	(6.8)	1.356.483.300	996.694.745
12. Lợi nhuận khác	40		(324.161.182)	1.102.855.348
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.486.910.775)	(3.314.950.493)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		86.739.798	
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			(674.458.506)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.573.650.573)	(2.640.491.987)

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THANH THỦY

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN VĂN PHÚC

Biên Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN CHÍ HIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.486.910.775)	(3.314.950.493)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		514.307.706	435.269.940
Các khoản dự phòng	03			(57.822.980)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.024.505.471)	(2.079.854.319)
Chi phí lãi vay	06		1.779.134.843	1.882.378.318
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(1.217.973.697)	(3.134.979.534)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.767.974.534)	2.302.532.909
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.365.969.684	(314.329.246)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.112.575.461)	1.278.715.411
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(161.652.000)	983.131.159
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.891.771.348)	(1.873.202.798)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(152.943.662)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.938.921.018)	(758.132.099)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.694.478.255)	(21.268.637)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.020.745.455	2.068.636.364
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.760.016	11.217.955
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.669.972.784)	2.058.585.682
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(7.1)	90.571.900.274	40.248.833.096
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.2)	(86.434.100.298)	(40.803.227.221)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.137.799.976	(554.394.125)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.471.093.826)	746.059.458
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.588.531.103	1.842.471.645
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	(5.1)	1.117.437.277	2.588.531.103

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ THANH THỦY

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN VĂN PHÚC



Biên Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN CHÍ HIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600448180 ngày 07 tháng 05 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 10 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 45 tỷ đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	
Tổng công ty xây dựng số 1 – TNHH Một thành viên	18.412.820.000	40,92%	18.412.820.000	40,92%	
Vốn góp của các đối tượng khác	26.587.180.000	59,08%	26.587.180.000	59,08%	
Cộng	45.000.000.000	100,00%	45.000.000.000	100,00%	

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 125 (31/12/2014: 100).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất cấu kiện bê tông và bê tông thương phẩm;
- Sản xuất cấu kiện kim loại phục vụ xây dựng;
- Xây dựng công trình công nghiệp, nhà ở;
- Kinh doanh nhà.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Một Thành Viên An Hòa BCC	KCN Nhứt Chánh, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	100%	100%	100%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng ngoại thương – Chi nhánh Biên Hòa.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua/bán ngoại tệ.

4.2. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.21.

4.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm	10 - 30 năm
▪ Máy móc thiết bị	07 - 15 năm	06 - 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 năm	05 - 08 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	10 năm	4 - 10 năm

4.10. Thuê

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

4.11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.14. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

4.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập quy định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.16. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.18. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính mức thuế suất là 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.21. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	3.398.700.807	113.819.108
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	19.881.636
Tài sản ngắn hạn khác	-	3.265.000.063

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Tạm ứng	Phải thu ngắn hạn khác	Tài sản ngắn hạn khác
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	Phải thu ngắn hạn khác	Tài sản ngắn hạn khác

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích)

	Năm trước (Được báo cáo lại)	VND Năm trước (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(2.079.854.319)	(11.217.955)
Tăng, giảm các khoản phải thu	2.302.532.909	1.756.780.773
Tiền thu từ đi vay	40.248.833.096	38.725.948.868

Việc phân loại lại số liệu so sánh là do: Trình bày lại khoản mục lãi từ thanh lý tài sản cố định đang được ghi giảm khoản tiền nhận được từ đi vay và phải thu khác.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	191.271.784	64.667.700
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	926.165.493	2.523.863.403
Cộng	<u>1.117.437.277</u>	<u>2.588.531.103</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Là khoản đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Một thành viên An Hòa BCC với tỷ lệ 100%. Đến ngày 31/12/2015, Công ty con đang có khoản lỗ vượt vốn nên Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này.

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên An Hòa BCC	26.976.343.570	26.845.192.912
Công ty CP Đầu tư Xây dựng HUD 102	3.932.001.000	3.932.001.000
Công ty CP Xây dựng 14-9	3.896.752.028	3.896.752.028
Công ty TNHH Xây Dựng Tầm Cao Việt	3.677.286.499	-
Các khách hàng khác	23.566.919.274	22.484.589.772
Cộng	<u>62.049.302.371</u>	<u>57.158.535.712</u>

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8.

Công ty TNHH Một thành viên An Hòa BCC	26.976.343.570	26.845.192.912
Cộng	<u>26.976.343.570</u>	<u>26.845.192.912</u>

Các khoản nợ phải thu khách hàng (trừ khoản công nợ từ công ty con – Công ty TNHH Một thành viên An Hòa BCC) với số tiền 7 tỷ đồng duy trì mọi thời điểm được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.9.

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên An Hòa BCC	23.898.100.856	24.647.849.297
Các nhà cung cấp khác	692.133.909	1.548.837.423
Cộng	<u>24.590.234.765</u>	<u>26.196.686.720</u>

Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8.

Công ty TNHH Một thành viên An Hòa BCC	23.898.100.856	24.647.849.297
Cộng	<u>23.898.100.856</u>	<u>24.647.849.297</u>

5.5. Phải thu ngắn hạn khác

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động	2.501.192.122	-	3.249.200.063	-
Ký cược, ký quỹ	184.794.468	-	35.681.636	-
Phải thu khác	431.833.606	-	113.819.108	-
Cộng	<u>3.117.820.196</u>	<u>-</u>	<u>3.398.700.807</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.6. Nợ xấu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	13.042.663.889	3.156.766.230	13.042.663.889	3.156.766.230
Cộng	<u>13.042.663.889</u>	<u>3.156.766.230</u>	<u>13.042.663.889</u>	<u>3.156.766.230</u>

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	VND					
	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Xây dựng 14-9	3.896.752.028	2.727.726.420	Trên 3 năm	3.896.752.028	2.727.726.420	Trên 3 năm
Công ty TNHH Kinh Bang	754.410.657	-	Trên 3 năm	754.410.657	-	Trên 3 năm
Các công ty khác	8.391.501.204	429.039.810	Trên 3 năm	8.391.501.204	429.039.810	Trên 3 năm
Cộng	<u>13.042.663.889</u>	<u>3.156.766.230</u>		<u>13.042.663.889</u>	<u>3.156.766.230</u>	

5.7. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.442.117.141	-	1.401.230.899	-
Công cụ, dụng cụ	75.437.614	-	52.253.772	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	4.539.755.248	-
Thành phẩm	2.528.094.757	-	5.658.836.854	-
Hàng gửi bán	123.152.775	-	123.152.775	-
Cộng	<u>4.168.802.287</u>	<u>-</u>	<u>11.775.229.548</u>	<u>-</u>

Theo hợp đồng thế chấp các khoản vay tại Ngân hàng VID Public Bank, Công ty phải duy trì giá trị hàng tồn kho tại mọi thời điểm kỳ là 8 tỷ đồng – Xem thêm mục 5.9.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	6.711.956.822	23.572.879.098	2.443.349.079	179.542.400	32.907.727.399
Mua trong năm	-	5.673.535.000	-	-	5.673.535.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.715.114.317)	-	-	(4.715.114.317)
Số dư cuối năm	<u>6.711.956.822</u>	<u>24.531.299.781</u>	<u>2.443.349.079</u>	<u>179.542.400</u>	<u>33.866.148.082</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	5.907.899.355	23.241.559.775	1.335.191.199	96.956.535	30.581.606.864
Khấu hao trong năm	60.261.936	417.694.470	31.564.380	4.786.920	514.307.706
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.715.114.317)	-	-	(4.715.114.317)
Số dư cuối năm	<u>5.968.161.291</u>	<u>18.944.139.928</u>	<u>1.366.755.579</u>	<u>101.743.455</u>	<u>26.380.800.253</u>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày đầu năm	804.057.467	331.319.323	1.108.157.880	82.585.865	2.326.120.535
Tại ngày cuối năm	<u>743.795.531</u>	<u>5.587.159.853</u>	<u>1.076.593.500</u>	<u>77.798.945</u>	<u>7.485.347.829</u>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 33.189.558.863 đồng – Xem thêm mục 5.9

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.934.333.454 đồng.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.9. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn:							
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Biên Hòa	22.107.038.756	22.107.038.756	88.317.900.274	85.996.700.298	19.785.838.780	19.785.838.780	
Ngân hàng VID Public Bank	19.996.264.156	19.996.264.156	84.113.810.223	83.903.384.847	19.785.838.780	19.785.838.780	
Ngân hàng VID Public Bank	1.546.774.600	1.546.774.600	3.640.090.051	2.093.315.451	-	-	
Vay dài hạn đến hạn trả	564.000.000	564.000.000	564.000.000	-	-	-	
Vay dài hạn	1.816.600.000	1.816.600.000	2.818.000.000	1.001.400.000	-	-	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Biên Hòa	2.380.600.000	2.380.600.000	2.818.000.000	437.400.000	-	-	
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(564.000.000)	(564.000.000)	-	564.000.000	-	-	
Cộng	23.923.638.756	23.923.638.756	91.135.900.274	86.998.100.298	19.785.838.780	19.785.838.780	

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn chịu lãi suất từ 7,5%/năm đến 8%/năm đối với VND và các khoản vay ngân hàng dài hạn với thời hạn 5 năm và chịu lãi suất từ 10%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Các khoản nợ phải thu (trừ khoản công nợ từ công ty con – Công ty TNHH Một thành viên An Hòa BCC) với số tiền 7 tỷ đồng được duy trì mọi thời điểm – Xem thêm mục 5.3.
- Giá trị hàng tồn kho duy trì tại mọi thời điểm với số tiền là 8 tỷ đồng – Xem thêm mục 5.7.
- Toàn bộ nhà xưởng, công trình xây dựng trên đất tại đường Số 1A, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, máy móc, phương tiện vận tải với nguyên giá là 33.189.558.863 đồng – Xem thêm mục 5.8.
- Bảo lãnh cá nhân của ông Huỳnh Tấn Trí – Chủ tịch Hội đồng quản trị cho số tiền vay 3 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Tổng công ty xây dựng số 1 – TNHH Một thành viên	5.041.702.587	5.041.702.587	8.767.726.117	8.767.726.117	
Công ty TNHH Thương mại Phương Nga	5.421.346.862	5.421.346.862	5.619.681.505	5.619.681.505	
Công ty TNHH Thành Lợi	4.285.176.238	4.285.176.238	4.335.176.238	4.335.176.238	
Phải trả cho các đối tượng khác	30.635.353.176	30.635.353.176	27.577.761.314	27.577.761.314	
Cộng	<u>45.383.578.863</u>	<u>45.383.578.863</u>	<u>46.300.345.174</u>	<u>46.300.345.174</u>	
Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8.					
Tổng công ty xây dựng số 1 – TNHH Một thành viên	5.041.702.587	5.041.702.587	8.767.726.117	8.767.726.117	
Cộng	<u>5.041.702.587</u>	<u>5.041.702.587</u>	<u>8.767.726.117</u>	<u>8.767.726.117</u>	

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		VND
							Cuối năm
Phải nộp:							
Thuế giá trị gia tăng	4.416.949.551	12.689.420.738	13.083.301.716	4.023.068.573			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	630.054.774	86.739.798	152.943.662	563.850.910			
Thuế thu nhập cá nhân	103.892.939	75.826.778	-	179.719.717			
Các loại thuế khác	1.573.614.045	1.007.703.860	74.726.336	2.506.591.569			
Cộng	<u>6.724.511.309</u>	<u>13.859.691.174</u>	<u>13.310.971.714</u>	<u>7.273.230.769</u>			

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2015 còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí vận chuyển	794.760.080	-
Lãi vay	18.606.003	131.242.508
Trợ cấp thôi việc	-	235.888.000
Các khoản trích trước khác	246.732.174	40.411.938
Cộng	<u>1.060.098.257</u>	<u>407.542.446</u>

5.14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng, chi tiết như sau:

	Số dư tài sản thuế hoãn lại	Thời hạn chuyển lỗ
Năm 2011	4.611.123.080	Năm 2016
Năm 2012	491.103.164	Năm 2017
Năm 2013	1.351.433.270	Năm 2018
Năm 2014	674.458.506	Năm 2019
Cộng	<u>7.128.118.020</u>	

Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính, Công ty chưa có bằng chứng chắc chắn về việc sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để bù đắp các khoản lỗ tính thuế phát sinh từ các năm trước đến năm tài chính này, do vậy, Công ty không tính và trình bày tài sản thuế hoãn lại và chi phí thuế hoãn lại trong năm hiện hành.

5.15. Phải trả ngắn hạn khác

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	327.747.811	493.254.326
Cổ tức phải trả	645.714.580	645.714.580
Phải trả khác	272.136.137	289.857.473
Cộng	<u>1.245.598.528</u>	<u>1.428.826.379</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	1.609.818.000	1.652.254.535	990.996.407	(24.597.263.072)	24.655.805.870
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(2.640.491.987)	(2.640.491.987)
Số dư đầu năm nay	45.000.000.000	1.609.818.000	1.652.254.535	990.996.407	(27.237.755.059)	22.015.313.883
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(2.573.650.573)	(2.573.650.573)
Số dư cuối năm nay	45.000.000.000	1.609.818.000	1.652.254.535	990.996.407	(29.811.405.632)	19.441.663.310

5.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tổng công ty xây dựng số 1 – TNHH Một thành viên	18.412.820.000	18.412.820.000
Vốn góp của các đối tượng khác	26.587.180.000	26.587.180.000
Cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

5.16.3. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.500.000	4.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tài sản thuê ngoài: Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn		
Từ 1 năm trở xuống	281.166.175	273.570.435
	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	254,90	299,08
	Cuối năm	VND Đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý:	1.409.947.489	1.409.947.489

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu từ bán bê tông ly tâm	65.953.435.188	20.729.591.976
Doanh thu từ bán bê tông tươi	34.953.851.538	14.045.641.035
Doanh thu từ bán bê tông đúc sẵn	5.148.994.453	20.183.209.667
Doanh thu từ bán thành phẩm khác	17.895.553.641	2.598.977.953
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.261.828.951	451.407.814
Cộng	<u>126.213.663.771</u>	<u>58.008.828.445</u>
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 8:		
Công ty TNHH Một Thành Viên An Hòa BCC	4.296.005.169	1.139.888.494
Tổng công ty Xây dựng số 1 – TNHH Một thành viên	21.322.776.244	9.123.137.273
Cộng	<u>25.618.781.413</u>	<u>10.263.025.767</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của bê tông ly tâm	52.744.217.398	19.275.445.377
Giá vốn của bê tông tươi	34.057.861.343	13.801.679.660
Giá vốn của bê tông đúc sẵn	4.764.684.381	18.533.420.969
Giá vốn của thành phẩm khác	17.786.462.757	3.793.108.238
Cộng	<u>109.353.225.879</u>	<u>55.403.654.244</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm thanh toán	32.167.125	5.414.300.602
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.760.016	11.611.925
Cộng	<u>35.927.141</u>	<u>5.425.912.527</u>
Trong đó, thu nhập đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 8:		
Công ty TNHH Một Thành Viên An Hòa BCC	-	5.408.626.477
Cộng	<u>-</u>	<u>5.408.626.477</u>

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.779.134.843	1.882.378.318
Lãi chậm thanh toán	391.436.171	1.704.295.703
Lỗ chênh lệch tỷ giá	17.506.437	13.503.001
Cộng	<u>2.188.077.451</u>	<u>3.600.177.022</u>

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bơm bê tông	1.306.874.541	168.148.453
Chi phí vận chuyển bê tông, cọc, trụ	7.990.485.404	1.908.671.056
Chi phí khác	264.357.234	247.004.637
Cộng	<u>9.561.717.179</u>	<u>2.323.824.146</u>

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.102.454.123	3.750.572.617
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	576.583.759	452.401.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.601.664	58.601.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	842.075.646	540.630.297
Chi phí bằng tiền khác	1.729.604.804	1.722.685.383
Cộng	<u>7.309.319.996</u>	<u>6.524.891.401</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	VND Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	1.020.745.455	2.068.636.364
Thu nhập khác	11.576.663	30.913.729
Cộng	<u>1.032.322.118</u>	<u>2.099.550.093</u>

6.8. Chi phí khác

	Năm nay	VND Năm trước
Phạt chậm nộp	1.007.703.860	75.000.000
Các khoản khác	348.779.440	921.694.745
Cộng	<u>1.356.483.300</u>	<u>996.694.745</u>

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.565.396.773	40.193.792.592
Chi phí nhân công	12.948.774.207	10.231.961.899
Chi phí khấu hao tài sản cố định	514.307.705	1.029.371.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.166.173.839	11.455.361.886
Chi phí khác bằng tiền	1.729.604.804	1.685.024.871
Cộng	<u>101.924.257.328</u>	<u>64.595.512.269</u>

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay	VND Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	90.571.900.274	40.248.833.096

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm nay	VND Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	86.434.100.298	40.803.227.221

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Một Thành Viên An Hòa BCC	Công ty con
2. Tổng công ty Xây Dựng Số 1 – TNHH Một Thành Viên	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
3. Ông Huỳnh Tấn Trí	Chủ tịch HĐQT
4. Ông Trần Chí Hiếu	Tổng giám đốc điều hành

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải thu khách hàng – Xem thêm mục 5.3:		
Công ty con	26.976.343.570	26.845.192.912
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 5.4:		
Công ty con	23.898.100.856	24.647.849.297
Phải thu khác		
Công ty con	18.100.000	18.100.000
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.10:		
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	(5.041.702.587)	(8.767.726.117)
Người mua trả tiền trước		
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	(169.976.417)	(2.062.549.000)

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Bán hàng – Xem thêm mục 6.1:		
Công ty con	4.296.005.169	1.139.888.494
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	21.322.776.244	9.123.137.273
Cộng	<u>25.618.781.413</u>	<u>10.263.025.767</u>
Mua hàng:		
Công ty con	10.515.072.217	1.141.903.667
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	3.404.344.201	8.697.703.420
Cộng	<u>13.919.416.418</u>	<u>9.839.607.087</u>
Lãi chậm thanh toán		
Công ty con	-	5.408.626.477
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	296.062.482	321.418.876
Cộng	<u>13.919.416.418</u>	<u>9.839.607.087</u>
Thuê tài sản		
Công ty con	384.556.848	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Thu nhập Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được chi tiết như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Thu nhập Hội đồng quản trị	234.800.942	270.401.314
Thu nhập Tổng Giám đốc	102.438.533	189.090.946
Cộng	<u>337.239.475</u>	<u>459.492.260</u>

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 1 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	281.166.175	273.570.435

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 03 năm 2016.

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ THANH THỦY

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN VĂN PHÚC

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN CHÍ HIẾU